

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2025

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025

I. Thông tin chung về Trường

- Tên trường: **Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.**
- Mã trường: **DMT.**
- Trụ sở chính tại thành phố Hà Nội: Số 41A, đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội.
- Phân hiệu tại tỉnh Thanh Hóa: Số 04, đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Trang thông tin chính thức của Trường: hunre.edu.vn
- Trang thông tin Phân hiệu tại tỉnh Thanh Hóa: chunre.edu.vn
- Cổng thông tin tuyển sinh: tuyensinh.hunre.edu.vn ;
- Facebook chính thức của Trường: facebook.com/Hunre.fanpage
- Địa chỉ công khai thông tin tuyển sinh và hoạt động đào tạo của Trường: hunre.edu.vn; tuyensinh.hunre.edu.vn
- Số điện thoại tư vấn tuyển sinh: 0902130130 (Trụ sở chính); 0944868682 (Phân hiệu tại tỉnh Thanh Hóa).
- Số điện thoại hỗ trợ kỹ thuật đăng ký xét tuyển: 0762275778; 0796115558; 0769185556.

II. Thông tin tuyển sinh Đại học chính quy năm 2025

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT Việt Nam) ở nước ngoài hoặc Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).
- Trường tuyển sinh trong phạm vi toàn quốc

2. Phương thức tuyển sinh năm 2025

- **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- **Phương thức 2:** Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.
- **Phương thức 3:** Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT (Học bạ THPT).
- **Phương thức 4:** Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2025.

3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (Ngưỡng ĐBCL đầu vào)

a) Đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025: Nhà trường công bố điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Ngoài ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo tổ hợp, đối với thí sinh xét tuyển vào ngành:

- Ngành Ngôn ngữ Anh: Thí sinh phải đạt điều kiện điểm môn tiếng Anh trong tổ hợp môn xét tuyển không nhỏ hơn 5,00/ thang điểm 10 (tối thiểu $\geq 5,00/10$).

- Ngành Luật: Thí sinh phải đạt điều kiện điểm môn Toán và Ngữ văn trong tổ hợp môn xét tuyển không nhỏ hơn 6,00/ thang điểm 10 (tối thiểu $\geq 6,00/10$).

b) Đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2025: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào phải đạt điều kiện tổng điểm bài thi đánh giá năng lực (không tính điểm ưu tiên, điểm cộng, không nhân hệ số môn) không nhỏ hơn 75/ thang điểm 150 (tối thiểu $\geq 75/150$).

c) Đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ) như sau:

- **Ngành Ngôn ngữ Anh:** Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là tổng các đầu điểm kết quả học tập cả năm lớp 12 của các môn học theo tổ hợp môn xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân không nhỏ hơn 18,00 điểm (*không tính điểm ưu tiên, điểm cộng, không nhân hệ số môn chính*) trong đó điều kiện bắt buộc điểm môn tiếng Anh (*Môn chính*) là điểm trung bình kết quả học tập cả năm lớp 12 của môn tiếng Anh không nhỏ hơn 7,00/ thang điểm 10 (điểm tối thiểu $\geq 7,00/10$).

- **Ngành Luật:** Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là tổng các đầu điểm kết quả học tập cả năm lớp 12 của các môn học theo tổ hợp môn xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân không nhỏ hơn 18,00 điểm (*không tính điểm ưu tiên, điểm cộng, không nhân hệ số môn chính*) trong đó điều kiện bắt buộc điểm trung bình kết quả học tập cả năm lớp 12 của môn Toán và môn Ngữ văn trong tổ hợp môn xét tuyển không nhỏ hơn 6,00/ thang điểm 10 (điểm tối thiểu $\geq 6,00/10$).

- **Các ngành đào tạo khác:** Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là tổng các đầu điểm kết quả học tập cả năm lớp 12 của các môn học theo tổ hợp môn xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân không nhỏ hơn 18,00 điểm (*không tính điểm ưu tiên, không nhân hệ số môn chính*).

4. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng ĐBCL đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp và phương thức tuyển sinh

Nhà trường công bố quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng ĐBCL đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp và phương thức tuyển sinh trước khi công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo lịch tổ chức tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh theo dõi tại các thông báo, hướng dẫn được Nhà trường cập nhật sớm nhất trên website, cổng thông tin tuyển sinh của Trường.

5. Chỉ tiêu tuyển sinh

a) **Tổng chỉ tiêu đại học chính quy tại Trụ sở chính Hà Nội: 4780 chỉ tiêu**

STT	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển (Đối với Phương thức 2 & 3)	Chỉ tiêu
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3	Tiếng Anh, Toán, Ngữ Văn Tiếng Anh, Toán, Vật lý Tiếng Anh, Toán, Hóa học Tiếng Anh, Toán, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Tiếng Anh, Toán, Sinh học Tiếng Anh, Toán, Tin học Tiếng Anh, Toán, Lịch sử Tiếng Anh, Toán, Giáo dục KT&PL Tiếng Anh, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Tiếng Anh, Ngữ Văn, Địa lý Tiếng Anh, Ngữ Văn, Lịch sử Tiếng Anh, Ngữ Văn, Tin học	120
2	7340101	Quản trị kinh doanh	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học	290
3	7340115	Marketing	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học	290
4	7340116	Bất động sản	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh	300

STT	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển (Đối với Phương thức 2 & 3)	Chỉ tiêu
			Phương thức 4	Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học	
5	7340301	Kế toán	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học	380
6	7380101	Luật	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Lịch sử, Giáo dục KT&PL Ngữ Văn, Lịch sử, Giáo dục KT&PL	300
7	7440222	Khí tượng và khí hậu học	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Tiếng Anh, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)	50

STT	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển (Đối với Phương thức 2 & 3)	Chỉ tiêu
				Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL	
8	7440224	Thủy văn học	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Tiếng Anh, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL	50
9	7440298	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học	120
10	7480201	Công nghệ thông tin	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Tiếng Anh, Tin học Toán, Vật lý, Tin học	450

STT	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển (Đối với Phương thức 2 & 3)	Chỉ tiêu
11	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Tiếng Anh, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Tiếng Anh, Sinh học Toán, Tiếng Anh, Hóa học Toán, Hóa học, Giáo dục KT&PL	200
12	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học	250
13	7520501	Kỹ thuật địa chất	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Lịch sử	50
14	7520503	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh	90

STT	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển (Đối với Phương thức 2 & 3)	Chỉ tiêu
				Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Lịch sử	
15	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Tiếng Anh, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Tiếng Anh, Sinh học Toán, Tiếng Anh, Vật lý Toán, Sinh học, Giáo dục KT&PL	100
16	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học	300
17	7810201	Quản trị khách sạn	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)	200

STT	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển (Đối với Phương thức 2 & 3)	Chỉ tiêu
				Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học	
18	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (<i>Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp</i>) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học	400
19	7850102	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Tiếng Anh, Vật lý Toán, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (<i>Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp</i>) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học	200
20	7850103	Quản lý đất đai	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (<i>Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp</i>) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL	540

STT	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển (Đối với Phương thức 2 & 3)	Chỉ tiêu
				Toán, Ngữ Văn, Tin học	
21	7850198	Quản lý tài nguyên nước	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học	50
22	7850199	Quản lý biển	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học	50

b) Tổng chỉ tiêu Đại học chính quy tại Phân hiệu tỉnh Thanh Hóa: 20 chỉ tiêu

STT	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển (Đối với Phương thức 2 & 3)	Chỉ tiêu
1	7520503PH	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL	10

STT	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển (Đối với Phương thức 2 & 3)	Chỉ tiêu
				Toán, Ngữ Văn, Lịch sử	
2	7850103PH	Quản lý đất đai	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Sinh học Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ (Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp) Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học	10

Lưu ý: Thí sinh ĐKXT các mã ngành thuộc trụ sở chính (Hà Nội) sẽ học tại Hà Nội và các mã ngành thuộc phân hiệu Thanh Hóa sẽ học tại tỉnh Thanh Hóa. Nhà trường không phân ngành học theo nơi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.

6. Thông tin về tổ chức tuyển sinh và các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển đợt 1 năm 2025

- Nhà trường tổ chức tuyển sinh đợt 1 năm 2025 theo lịch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để đăng ký xét tuyển (sau đây gọi là ĐKXT) tại Trường đợt 1 (đợt chính thức) **tất cả thí sinh bắt buộc phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển qua Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo** (chi tiết về cách thức và thời gian đăng ký thí sinh thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và được công nhận trúng tuyển chính thức sau khi có dữ liệu xét tuyển hợp lệ cuối cùng của quy trình xét, lọc nguyện vọng toàn quốc trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh tự do (đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025) phải thực hiện xin cấp tài khoản để đăng ký nguyện vọng xét tuyển đại học vào Trường tại các Sở Giáo dục và Đào tạo địa phương (từ ngày 10/7 - 20/7/2025) theo hướng dẫn, quy định của Bộ Giáo

dục và Đào tạo. Thí sinh thuộc diện này sử dụng phương thức xét tuyển Học bạ vào Trường sẽ phải thực hiện thêm bước khai báo thông tin tuyển sinh (nộp minh chứng hợp lệ) trực tiếp về Trường đảm bảo trùng khớp, chính xác với thông tin ĐKXT trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo để được xét tuyển (*thí sinh sẽ không được xét tuyển nếu dữ liệu tổng hợp từ hai hệ thống không đầy đủ thông tin hợp lệ để xét tuyển theo quy định, chi tiết nộp quy định tại mục 6.1 & 6.2 dưới đây*).

- Thời gian tổ chức công tác tuyển sinh năm 2025 theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo cụ thể như sau:

+ Thời gian đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Từ ngày 16/7/2025 đến trước 17h00 ngày 28/7/2025.

+ Thời gian nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Từ ngày 29/7/2025 đến trước 17h00 ngày 05/8/2025.

+ Thời gian công bố thí sinh đạt điều kiện trúng tuyển: Trước 17h00 ngày 22/8/2025 (*trừ thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển*).

+ Thời gian xác nhận nhập học trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Từ khi có kết quả trúng tuyển tới trước 17h00 ngày 30/8/2025.

- Thời gian có thể điều chỉnh, thay đổi theo công tác tuyển sinh thực tế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để đảm bảo kết quả và quyền lợi của mình, thí sinh chú ý theo dõi và thực hiện theo các thông báo, hướng dẫn tuyển sinh được nhà trường liên tục cập nhật tại website: hunre.edu.vn ; tuyensinh.hunre.edu.vn.

6.1. Thông tin chi tiết về các phương thức tuyển sinh đợt 1 năm 2025

a) Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục & Đào tạo

- Thí sinh thuộc diện được Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo nội dung trong mục 8 phải thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời nộp hồ sơ ĐKXT trực tiếp tại Trường (không gửi qua bưu điện) theo quy định. Cụ thể như sau:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ ĐKXT trực tiếp tại Trường: Trước 17h00 ngày 30/6/2025.

- Thời gian công bố thí sinh đạt điều kiện trúng tuyển: Trước 17h00 ngày 15/7/2025.

- Hồ sơ ĐKXT thẳng, ưu tiên xét tuyển bao gồm:

• 01 phiếu đăng ký xét tuyển thẳng hoặc phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển đầy đủ các thông tin xét tuyển theo mẫu quy định của BGD&ĐT có chữ ký của thí sinh;

• 01 phong bì ghi rõ họ tên người nhận, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh và phụ huynh để nhà trường gửi giấy báo kết quả thí sinh trúng tuyển;

• 01 bộ hồ sơ công chứng giấy tờ chứng minh diện xét tuyển như sau: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải

kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế hoặc các loại giấy tờ chứng nhận thuộc các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác theo đúng quy định;

- 01 bản sao có công chứng học bạ THPT hoặc bản xác nhận kết quả, quá trình học tập có đủ thông tin để ĐKXT và dấu xác nhận của trường THPT theo học;

- 01 bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2025);

- 01 bản sao Căn cước công dân;

- Sau khi trúng tuyển, thí sinh phải xác nhận nhập học trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định chung và nộp hồ sơ nhập học theo hướng dẫn của Trường.

b) Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Thí sinh kiểm tra dữ liệu thông tin xét tuyển (thông tin cá nhân, dữ liệu điểm thi tốt nghiệp THPT, diện ưu tiên..), đăng ký nguyện vọng xét tuyển qua Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được xét tuyển theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ) sử dụng kết quả học tập cả năm lớp 12.

- Thí sinh kiểm tra dữ liệu thông tin xét tuyển (thông tin cá nhân, dữ liệu điểm, diện ưu tiên..) và đăng ký nguyện vọng xét tuyển qua Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được xét tuyển theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với thí sinh tự do (***đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025***): Song song với việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển qua Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh phải thực hiện đồng thời việc khai báo thông tin tuyển sinh tại Trường trước ngày 15/7/2025 bằng cách nộp các hồ sơ minh chứng đầy đủ tính pháp lý như sau:

- Học bạ THPT hoặc bản xác nhận kết quả, quá trình học tập có đủ thông tin để ĐKXT và dấu xác nhận của trường THPT theo học;
- Bằng tốt nghiệp THPT (bắt buộc đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2025);
- Căn cước công dân;

(Lưu ý: Tất cả hồ sơ nộp bản sao công chứng, Trường không tiếp nhận bản gốc. Thí sinh xem hướng dẫn nộp hồ sơ cụ thể tại mục 6.2)

- Tất cả thí sinh xét tuyển theo phương thức xét tuyển kết quả học tập THPT (Học bạ) thực hiện khai báo khảo sát nguyện vọng dự kiến vào Trường qua cổng thông tin tuyển sinh tại địa chỉ: tuyensinh.hunre.edu.vn theo hướng dẫn trực tiếp trên hệ thống (Mở từ ngày 15/05/2025) để Trường tổng hợp thông tin nguyện vọng xét tuyển theo phương thức này và hỗ trợ các vấn đề khác trong tuyển sinh (*Lưu ý: Dữ liệu khai báo khảo sát trên cổng thông tin này không có giá trị phục vụ xét tuyển chính thức*).

- Cách tính tổng điểm xét tuyển theo kết quả Học bạ THPT: Tổng điểm xét tuyển Học bạ THPT được tính theo thang điểm 30 là tổng các đầu điểm kết quả học tập cả năm lớp 12 của môn học theo tổ hợp môn xét tuyển tương ứng cộng với điểm cộng và điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh (nếu có). Cụ thể như sau:

$$\text{Tổng điểm gốc} = (\text{Điểm Môn 1} + \text{Điểm Môn 2} + \text{Điểm Môn 3} + \text{ĐC}) + \text{ĐUT}$$

Trong đó:

- Điểm môn = Điểm TB kết quả học tập cả năm lớp 12 của môn học;
- ĐC = Điểm cộng của thí sinh theo quy định của Trường
- ĐUT = Điểm KVUT và ĐTUT (nếu có) được tính theo quy định của BGD&ĐT

d) Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2025

- Thí sinh được xét tuyển theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điểm xét tuyển là tổng điểm thi Đánh giá năng lực cộng với điểm cộng sau đó cộng với điểm ưu tiên của thí sinh và được quy đổi theo quy định của BGD&ĐT.

- Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển và chịu trách nhiệm kiểm tra toàn bộ dữ liệu thông tin xét tuyển (thông tin cá nhân, dữ liệu điểm, diện ưu tiên..) qua Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

6.2. Hình thức khai báo thông tin ĐKXT tại Trường (chỉ áp dụng đối với các thí sinh tự do thuộc diện phải nộp thông tin xét tuyển tại Trường theo quy định tại phần c mục 6.1 và thí sinh có điểm cộng theo quy định tại mục 6.3)

a) Hình thức trực tiếp:

- Trước 17h00 ngày **15/07/2025**, thí sinh chuẩn bị đầy đủ thông tin cá nhân, hồ sơ minh chứng theo quy định để khai báo và nộp trực tiếp tại Phòng C102, số 41A, đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Hồ sơ nộp trực tiếp hợp lệ được Nhà trường tiếp nhận phải có phiếu thu nhận và đầy đủ chữ ký giao nhận của thí sinh, người thân của thí sinh (hoặc người được ủy quyền) và bộ phận thư ký tuyển sinh của Trường.

b) Hình thức gửi chuyển phát thư qua bưu điện:

- Trước 17h00 ngày **10/07/2025** (tính thời gian hợp lệ theo con dấu trên bao bì thư và mã dữ liệu gửi thư trên hệ thống điện tử của bưu điện) thí sinh gửi 01 bộ hồ sơ đầy đủ theo quy định về địa chỉ sau: Phòng văn thư Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, số 41A, đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Khi gửi hồ sơ lưu ý các nội dung sau:

+ Ghi trên bao bì thư: Hồ sơ tuyển sinh đại học năm 2025 và ghi đầy đủ các thông tin cá nhân (gồm họ tên, ngày sinh, số điện thoại liên lạc, địa chỉ liên lạc của thí sinh).

+ Khi gửi hồ sơ tuyển sinh, thí sinh chú ý nhận và lưu lại đầy đủ phiếu biên nhận do bưu cục trả có đầy đủ mã vận thư để kiểm tra hành trình của thư. Hồ sơ hợp lệ được

giải quyết các vấn đề thất lạc sau này căn cứ theo biên nhận thư, mã vận thư và dữ liệu trên hệ thống của Bưu cục.

+ Từ ngày 11/7/2025, thí sinh truy cập đường link: <https://hunre.edu.vn/Tin-tuyen-sinh> để tra cứu tình trạng hợp lệ của hồ sơ đã nộp.

+ Lưu ý: Thí sinh chỉ nên gửi thư tại các điểm bưu cục của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (Vietnam Post/VNPost), không nên gửi tại các công ty chuyển phát khác.

6.3. Quy định về điểm cộng trong tuyển sinh

- Quy định về điểm cộng trong tuyển sinh: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội áp dụng điểm cộng đối với thí sinh có dữ liệu xét tuyển và hồ sơ minh chứng hợp lệ đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Thí sinh tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ Tiếng Anh TOEFL IBT từ 75/120 điểm hoặc IELTS từ 5.0/9.0 trở lên do cơ quan quốc tế có thẩm quyền cấp còn hiệu lực sử dụng tính đến thời điểm nộp hồ sơ ĐKXT được cộng ba điểm (+3,0 điểm) vào tổng điểm xét tuyển chuẩn.

+ Thí sinh tốt nghiệp THPT và đạt kết quả học tập Tốt (*học lực Giỏi đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2025*) cả ba năm: Lớp 10, lớp 11 và lớp 12 được cộng ba điểm (+3,0 điểm) vào tổng điểm xét tuyển chuẩn.

+ Thí sinh đáp ứng cùng lúc cả hai điều kiện trên chỉ được áp dụng một lần điểm cộng tối đa là cộng ba điểm (+3,0 điểm) vào tổng điểm xét tuyển chuẩn.

+ Các thí sinh thuộc diện trên phải thực hiện nộp hồ sơ minh chứng như sau:

- Bản sao có công chứng các chứng chỉ tiếng Anh hoặc Học bạ THPT có đầy đủ thông tin hợp lệ.

- 01 bản sao Căn cước công dân.

- Hồ sơ nộp trực tiếp về Trường theo hướng dẫn tại mục 6.2. Nếu thí sinh thuộc diện được cộng điểm nhưng không nộp hồ sơ minh chứng về Trường (*hoặc minh chứng không đầy đủ, không hợp lệ*) thì không được áp dụng điểm cộng trong tuyển sinh.

6.4. Các thông tin tuyển sinh cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào Trường

- Mã trường: **DMT**

- Thí sinh ĐKXT các mã ngành thuộc trụ sở chính (Hà Nội) sẽ học tại Hà Nội và các mã ngành thuộc phân hiệu Thanh Hóa sẽ học tại tỉnh Thanh Hóa. Nhà trường không phân ngành học theo nơi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.

- Tất cả thí sinh phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển đợt 1 qua Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (chi tiết về cách thức và thời gian đăng ký thí sinh thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và được công nhận trúng tuyển chính thức khi có kết quả trúng tuyển cuối cùng từ quy trình xét lọc nguyện vọng toàn quốc trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với các thí sinh thuộc diện quy định phải khai báo thông tin xét tuyển tại Trường (*chi tiết xem theo quy định cụ thể của từng phương thức xét tuyển tại mục 6.1*) phải thực hiện đồng thời thêm bước khai báo toàn bộ thông tin ĐKXT và nộp hồ sơ minh chứng hợp lệ trực tiếp tại Trường trùng khớp, chính xác với thông tin ĐKXT trên hệ thống của Bộ Giáo dục và

Đào tạo để được xét tuyển (thí sinh sẽ không được xét tuyển nếu dữ liệu tổng hợp từ hai hệ thống không đầy đủ thông tin hợp lệ để xét tuyển theo quy định).

- Trong một đợt xét tuyển và theo cùng một phương thức xét tuyển, sau khi đã nộp hồ sơ ĐKXT thí sinh chỉ được thay đổi điều chỉnh nguyện vọng trong thời gian quy định của BGD&ĐT và Trường cho từng phương thức xét tuyển.

- Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, không thấp hơn ngưỡng đầu vào. Đối với một ngành đào tạo/nguyện vọng xét tuyển tất cả thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo tổng điểm xét tuyển không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký, trừ trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách Nhà trường sử dụng tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng (để xét chọn những thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn).

- Nhà trường không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ và điểm thi tốt nghiệp THPT được bảo lưu các năm trước theo quy định tại Quy chế xét công nhận tốt nghiệp THPT để xét tuyển.

- Đối với tuyển sinh đại học chính quy đợt 01 năm 2025, thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học theo quy định của BGD&ĐT bằng cách xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống công nghiệp vụ tuyển sinh của BGD&ĐT sau đó nhập học tại Trường. Đối với các đợt bổ sung thí sinh thực hiện xác nhận nhập học và nhập học theo quy định và hướng dẫn của Nhà trường. Thí sinh đã xác nhận nhập học thì không được tham gia xét tuyển ở trường khác. Quá thời hạn nhập học, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác trong các đợt bổ sung (nếu có).

- Tuyển sinh các đợt bổ sung: Sau khi kết thúc nhập học đợt 1, Nhà trường thông báo tuyển sinh bổ sung các đợt tiếp theo của năm 2025 (nếu còn chỉ tiêu) dự kiến từ ngày 01/9/2025. Điểm nhận hồ sơ ĐKXT đợt bổ sung theo từng ngành đào tạo và từng phương thức không thấp hơn điểm trúng tuyển đợt 1.

- **Xử lý rủi ro về kết quả tuyển sinh:** Kết quả của thí sinh được công bố dựa trên dữ liệu kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kết quả học tập trung học phổ thông, dữ liệu điểm thi đánh giá năng lực, tư duy và các cơ sở dữ liệu xét tuyển khác do hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thí sinh cung cấp. Thí sinh phải kiểm tra, rà soát thông tin tuyển sinh của mình trước khi nhập học, nếu có sai sót phải liên hệ Nhà trường ngay trong thời gian công bố trúng tuyển và tổ chức nhập học để được Nhà trường và các bên có thẩm quyền hỗ trợ giải quyết theo quy định. Sau khi đã đồng ý xác nhận nhập học vào Trường thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả tuyển sinh của mình.

7. Quy định về khu vực, đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh

Theo quy định hiện hành về cách tính điểm khu vực và đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Quy định về xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển

8.1. Đối tượng được xét tuyển thẳng

Hiệu trưởng xem xét và quyết định xét tuyển thẳng vào đại học theo ngành phù hợp với các đối tượng sau:

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT;

b) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng và đã tốt nghiệp THPT.

c) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng và đã tốt nghiệp THPT.

d) Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học):

- Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

- Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học Sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

8.2. Đối tượng được ưu tiên xét tuyển

Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển, đã tốt nghiệp THPT thì Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho vào học theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải.

9. Lệ phí xét tuyển

Đối với xét tuyển Đại học chính quy đợt 1 năm 2025 thí sinh thực theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Sở Giáo dục và Đào tạo địa phương về việc nộp lệ phí nguyện vọng ĐKXT qua hệ thống phần mềm tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Thông tin về tuyển sinh đại học chính quy hai năm gần nhất

10.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Năm 2023, Trường xét tuyển theo 05 phương thức:

- + Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT
- + Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ)

- + Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
- + Xét tuyển đặc cách
- + Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội
- Năm 2024, Trường xét tuyển theo 06 phương thức:
 - + Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT
 - + Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ)
 - + Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
 - + Xét tuyển đặc cách
 - + Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội
 - + Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội

10.2. Kết quả tuyển sinh của 2 năm tuyển sinh gần nhất

Tại trụ sở chính Hà Nội (học tại Hà Nội):

Ngành/Nhóm ngành	Năm tuyển sinh 2023					Năm tuyển sinh 2024				
	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển			Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển		
Trình độ đại học hệ chính quy			Thi THPT	Điểm Học bạ	Thi ĐGNL			Thi THPT	Điểm Học bạ	Thi ĐGNL
Nhóm ngành Kế toán, Kiểm toán										
Kế toán	440	459	22,15	24,5	75	210	265	24,25	26,25	90
Nhóm ngành Kinh doanh										
Quản trị kinh doanh	150	147	23,75	26	77	150	183	25,75	27	85
Bất động sản	100	99	21	23	75	100	63	24,75	26,5	80
Marketing	150	161	24,75	27,5	84	150	189	26,5	27,75	90
Nhóm ngành Luật										
Luật	150	156	22,75	25	75	150	146	25,45	26,75	85
Nhóm ngành Sinh học ứng dụng										
Sinh học ứng dụng	50	18	15	18	-	40	23	15	18	-
Nhóm ngành Khoa học trái đất										
Khí tượng và khí hậu học	40	23	15	18	-	40	32	15-22,5	18-24,5	-
Thủy văn học	40	13	15	18	-	40	24	15-18,5	18-23,25	-
Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	40	45	15	18	-	50	65	15	18	-
Nhóm ngành Quản lý công nghiệp										
Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	150	154	24,75	26,75	82	150	155	26,25	27,5	90
Nhóm ngành Công nghệ Hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường										
Công nghệ kỹ thuật môi trường	140	146	15	18	75	240	172	15	18	75
Nhóm ngành Kỹ thuật địa chất, địa Vật lý và trắc địa										
Kỹ thuật địa chất	40	22	15	18	-	40	35	15-	18-	-

								22,5	24,5	
Kỹ thuật trắc địa, bản đồ	80	18	15	18	-	80	83	15-18,5	18-18,5	-
Nhóm ngành Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống										
Đảm bảo chất lượng & An toàn thực phẩm	100	93	15	18	-	100	114	15	18	-
Nhóm ngành Quản lý tài nguyên và môi trường										
Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	60	84	22	23,75	75	150	82	15	18	75
Quản lý biển	40	12	15	18	-	30	11	15	18	-
Quản lý đất đai	330	354	21,25	23	75	440	613	22,5	24,5	75
Quản lý tài nguyên nước	40	39	15	18	-	40	37	15	18	-
Quản lý tài nguyên và môi trường	190	186	21	23	75	340	356	15	18	75
Nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài										
Ngôn ngữ Anh	120	120	22,75	25	-	120	132	24	26,5	-
Nhóm ngành Du lịch										
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	440	392	22	23	75	140	136	26	27,5	85
Nhóm ngành Khách sạn, nhà hàng										
Quản trị khách sạn	200	179	22,75	24,75	75	150	128	25,45	27	85
Nhóm ngành Công nghệ thông tin										
Công nghệ thông tin	440	447	22,75	24,25	75	320	351	22,75	25	85

Tại phân hiệu Thanh Hóa (học tại tỉnh Thanh Hóa):

Ngành/Nhóm ngành	Năm tuyển sinh 2023				Năm tuyển sinh 2024			
	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển		Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển	
Trình độ đại học hệ chính quy			Thi THPT	Điểm Học bạ			Thi THPT	Điểm Học bạ
Nhóm ngành Kế toán, Kiểm toán								
Kế toán	10	4	15	18	10	-	15	18
Nhóm ngành Công nghệ Hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường								
Công nghệ kỹ thuật môi trường	10	-	15	18	10	-	15	18
Nhóm ngành Kỹ thuật địa chất, địa Vật lý và trắc địa								
Kỹ thuật trắc địa, bản đồ	10	1	15	18	10	-	15	18
Nhóm ngành Quản lý tài nguyên và môi trường								
Quản lý đất đai	10	2	15	18	10	5	15	18
Quản lý tài nguyên và môi trường	10	-	15	18	10	-	15	18
Nhóm ngành Du lịch								

Ngành/Nhóm ngành	Năm tuyển sinh 2023				Năm tuyển sinh 2024			
	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển		Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10	1	15	18	10	1	15	18
Nhóm ngành Công nghệ thông tin								
Công nghệ thông tin	10	2	15	18	10	-	15	18

Nội dung Thông tin tuyển sinh tại công văn này thay thế cho công văn số 1468/TĐHHN ngày 11/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Căn cứ các quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong quá trình tổ chức công tác tuyển sinh, nội dung Thông tin tuyển sinh có thể được cập nhật, điều chỉnh. Thí sinh theo dõi các thông báo, hướng dẫn tuyển sinh được cập nhật trên website và cổng thông tin tuyển sinh của Trường.

Nơi nhận:

- Vụ GDĐH - Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Lãnh đạo Trường;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT. (5)

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Huy